

Ngày 29-11-2018

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

1. Bà Lê Thị Phước A, sinh năm 1970:

Nơi cư trú: Thôn Thuận Mỹ, xã Ninh Quang, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2. Ông Huỳnh Thái T1, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: 94/3 đường Đồng Nai, phường Phước Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: 203A Sơn Phước, phường Vĩnh Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

4. Bà Trương Thị T, sinh năm 1942;

Nơi cư trú: 94/3 đường Đồng Nai, phường Phước Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

5. Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Nha Trang;

Địa chỉ: 55 đường 2/4, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

6. Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Nha Trang – Phòng giao dịch Vĩnh Hải;

Địa chỉ: 78 đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Nh; vắng mặt.

2. Bà Huỳnh Thị Bích Th; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 13 tháng 7 năm 2016, Huỳnh Thái T1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 79N1-576.39 chở Trần Văn T từ Ninh Hòa đi Nha Trang, khi đến cây xăng Toàn Thắng thuộc thôn Ninh Đức, xã Ninh Lộc, thị xã Ninh Hòa thì T1 vào đổ xăng, còn T lại quây bán hàng tạp hóa gần đó của bà Lê Thị Phước A để mua nước uống và thuốc hút. T thấy một hộp giấy đựng nhiều loại card điện thoại để ở tủ kính nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Lợi dụng lúc nhân viên bán hàng là Nguyễn Thị Minh Th không để ý, T trộm cắp hộp card điện thoại rồi mang về Nha Trang bán cho bà Nguyễn Thị L chủ cửa hàng điện thoại di động Tân Việt tại số 06 đường Cao Bá Quát, phường Phước Tân, thành phố Nha Trang được 3.230.000 đồng. T cho T1 1.600.000 đồng, còn 1.630.000 đồng giữ lại tiêu xài, đến khoảng 19 giờ cùng ngày bị cơ quan Công an phát hiện.

Theo đơn báo mất và lời khai của bà Lê Thị Phước A thì số card điện thoại của bà bị mất 183 cái có tổng giá trị là 9.100.000 đồng và 660.000 đồng tiền mặt. Bị cáo cũng thừa nhận có lấy số card trên nhưng trong quá trình di chuyển đã làm rơi nhưng không xác định cụ thể bao nhiêu cái, còn số tiền mặt 660.000 đồng bị cáo không thừa nhận nên không có căn cứ để xử lý.

Tại kết luận định giá về tài sản số 109/KL-HĐĐG, ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã Ninh Hòa kết luận 183 card điện thoại có tổng giá trị 9.100.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn, tự nguyện nộp lại số tiền đã bán card điện thoại để bồi thường cho người bị hại.

Đối với Huỳnh Thái T1 chở T đi bán card điện thoại và được chia tiền; bà Nguyễn Thị L đã có hành vi mua card điện thoại của T nhưng những người này đều không biết tài sản do phạm tội mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Về vật chứng trong vụ án gồm: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ninh Hòa đã thu giữ được của bà Nguyễn Thị L 26 card điện thoại; 01 đăng ký xe mô tô số 066088 mang tên Trương Thị T, sinh năm 1942, trú tại: 94/3 phường Phước Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; 01 thẻ đa năng Ngân hàng Đông Á và 01 thẻ Techcombank cùng mang tên Nguyen Ngoc H. Các vật chứng nêu trên đã chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

Về phần trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Minh Th yêu cầu bị cáo Trần Văn T bồi thường số tiền 9.760.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 59/2018/CT-VKS-HS ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Trần Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình, vật chứng bị thu giữ như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại Nguyễn Thị Minh Th, bị cáo đồng ý bồi thường.

- Bị hại Nguyễn Thị Minh Th trình bày: Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có ý kiến gì; về trách nhiệm dân sự: Bị hại rút một phần yêu cầu bồi thường, yêu cầu bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 5.400.000 đồng và đồng thời bị hại yêu cầu được nhận lại số tiền 3.200.000 đồng mà bị cáo T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thái T1 giao nộp cho Công an thị xã Ninh Hòa và 26 card điện thoại thu giữ của bà Nguyễn Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù giam.

Về phần trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 5.400.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường. Xét thấy sự thỏa thuận của bị hại và bị cáo là tự

nguyên không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị hại Nguyễn Thị Minh Th số tiền 3.200.000 đồng mà bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thái T1 giao nộp cho Công an thị xã Ninh Hòa là tiền có được từ việc bán số card điện thoại trộm cắp được hiện đang nộp vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa tại Kho bạc nhà nước thị xã Ninh Hòa theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 19 tháng 7 năm 2017.

Đối với các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 18 tháng 9 năm 2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ninh Hòa với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa được xử lý như sau:

Trả lại cho bị hại bà Nguyễn Thị Minh Th 26 (Hai mươi sáu) thẻ cào các mạng di động (Tất cả đều còn nguyên, chưa sử dụng, chưa cào lớp bạc phủ các con số) gồm: Mạng Vietnam mobile: 04 cái mệnh giá 30.000đ/cái, 02 cái mệnh giá 50.000đ/cái; mạng Gmobile: 09 cái mệnh giá 10.000đ/cái; mạng Viettel: 01 cái mệnh giá 50.000đ/cái; mạng Mobifone: 06 cái mệnh giá 10.000đ/cái, 01 cái mệnh giá 50.000đ/cái; mạng Vinaphone: 03 cái mệnh giá 10.000đ/cái.

Trả lại cho bà Trương Thị T, sinh năm 1942, trú tại 94/3 phường Phước Tân, thành phố Nha Trang 01 đăng ký xe mô tô số 066088 mang tên Trương Thị T.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Nha Trang 01 thẻ ATM có mã 9704 0610 0123 0293 mang tên Nguyen Ngoc Hieu.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Nha Trang – Phòng giao dịch Vĩnh Hải 01 thẻ ATM có mã 9704 0788 1643 6048 mang tên Nguyen Ngoc Hieu.

Bị cáo Trần Văn T không tranh luận với bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa đồng thời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và trong lời nói sau cùng bị cáo T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Ninh Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ

quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Phước A, ông Huỳnh Thái T1, bà Nguyễn Thị L, bà Trương Thị T, Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Nha Trang, Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Nha Trang – Phòng giao dịch Vĩnh Hải; người làm chứng: bà Nguyễn Thị Thanh Nh, bà Huỳnh Thị Bích Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ đã có lời khai tại cơ quan điều tra và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào các Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy, xét có đủ căn cứ để xác định khoảng 10 giờ 30 phút ngày 13 tháng 7 năm 2016, bị cáo đã lợi dụng sơ hở của nhân viên bán hàng để lấy trộm tài sản là 183 card điện thoại của bà Lê Thị Phước A. Theo kết luận định giá về tài sản số 109/KL-HĐĐG, ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã Ninh Hòa kết luận 183 card điện thoại có tổng giá trị 9.100.000 đồng. Do đó, bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 như Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho người dân, cũng như gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có nhân thân xấu nhiều lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng sau khi thi hành án hình phạt tù xong, bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp. Sau khi có quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương và đã 02 lần bị truy nã, việc bị cáo bỏ trốn đã gây ra rất nhiều khó khăn cho công tác giải quyết án. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với T chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và cũng là để răn đe, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn, tự nguyện nộp lại số tiền đã bán card điện thoại đã trộm cắp được để bồi thường cho người bị hại. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm điểm b, g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

[6] Về căn cứ quyết định hình phạt: Mức hình phạt do đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo Trần Văn T từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù giam là phù hợp với T chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các biện pháp tư pháp:

[7.1] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị Minh Th rút một phần yêu cầu bồi thường, yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.400.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Xét thấy, sự thỏa thuận của bị hại và bị cáo là tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Thái T1, bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra xác định không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7.2] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 3.200.000 đồng mà bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thái T1 giao nộp cho Công an thị xã Ninh Hòa là tiền có được từ việc bán số card điện thoại trộm cắp được hiện đang nộp vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa tại Kho bạc nhà nước thị xã Ninh Hòa theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 19 tháng 7 năm 2017, căn cứ khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 trả lại cho bị hại bà Nguyễn Thị Minh Th.

Đối với các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 18 tháng 9 năm 2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ninh Hòa với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa được xử lý như sau:

Trả lại cho bị hại bà Nguyễn Thị Minh Th 26 (Hai mươi sáu) thẻ cào các mạng di động (Tất cả đều còn nguyên, chưa sử dụng, chưa cào lớp bạc phủ các con số) gồm: Mạng Vietnam mobile: 04 cái mệnh giá 30.000đ/cái, 02 cái mệnh giá 50.000đ/cái; mạng Gmobile: 09 cái mệnh giá 10.000đ/cái; mạng Viettel: 01 cái mệnh giá 50.000đ/cái; mạng Mobifone: 06 cái mệnh giá 10.000đ/cái, 01 cái mệnh giá 50.000đ/cái; mạng Vinaphone: 03 cái mệnh giá 10.000đ/cái.

Trả lại cho bà Trương Thị T, sinh năm 1942, trú tại 94/3 phường Phước Tân, thành phố Nha Trang 01 đăng ký xe mô tô số 066088 mang tên Trương Thị T.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Nha Trang 01 thẻ ATM có mã 9704 0610 0123 0293 mang tên Nguyen Ngoc Hieu.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Nha Trang – Phòng giao dịch Vĩnh Hải 01 thẻ ATM có mã 9704 0788 1643 6048 mang ten Nguyen Ngoc Hieu.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự đối với số tiền bồi thường cho bị hại theo quy định của pháp luật.

[9] Trong vụ án này, Huỳnh Thái T1 chở bị cáo T đi bán card điện thoại và được chia tiền; bà Nguyễn Thị L đã có hành vi mua card điện thoại của bị cáo nhưng những người này đều không biết card điện thoại do bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 138; khoản 1 Điều 42; điểm b, g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

Căn cứ Điều 106, Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 02 (Hai) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn T phải bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Minh Th số tiền 5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm ngàn đồng).

Quy định chung: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Minh Th số tiền 3.200.000đ (Ba triệu hai trăm ngàn đồng) mà bị cáo Trần Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thái T1 giao nộp cho Công an thị xã Ninh Hòa hiện đang nộp vào tài khoản 3949.0.1046797 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa tại Kho bạc nhà nước thị xã Ninh Hòa theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 19 tháng 7 năm 2017.

Đối với các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 18 tháng 9 năm 2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ninh Hòa với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa được xử lý như sau:

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Minh Th 26 (Hai mươi sáu) thẻ cào các mạng di động (Tất cả đều còn nguyên, chưa sử dụng, chưa cào lớp bạc phủ các con số) gồm: Mạng Vietnam mobile: 04 cái mệnh giá 30.000đ/cái, 02 cái mệnh giá 50.000đ/cái; mạng Gmobile: 09 cái mệnh giá 10.000đ/cái; mạng Viettel: 01 cái mệnh giá 50.000đ/cái; mạng Mobifone: 06 cái mệnh giá 10.000đ/cái, 01 cái mệnh giá 50.000đ/cái; mạng Vinaphone: 03 cái mệnh giá 10.000đ/cái.

Trả lại cho bà Trương Thị T, sinh năm 1942, trú tại 94/3 phường Phước Tân, thành phố Nha Trang 01 đăng ký xe mô tô số 066088 mang tên Trương Thị T.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Nha Trang 01 thẻ ATM có mã 9704 0610 0123 0293 mang tên Nguyen Ngoc Hieu.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Nha Trang – Phòng giao dịch Vĩnh Hải 01 thẻ ATM có mã 9704 0788 1643 6048 mang tên Nguyen Ngoc Hieu.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- CQ CSĐT Công an thị xã Ninh Hòa;
- CQ THAHS Công an thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quốc Thịnh